

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2018

*V/v Tranh chấp về nuôi con của
nam nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký
kết hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Oanh**.

- *Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Trần Thị Bạch Tuyết**;

2/ Ông **Trần Văn Tảo**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Hồng Hà**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Vĩnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 367/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Hoàng L**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ 1, ấp T, xã Tân B, huyện B, tỉnh N.

Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Thu**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 1, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh N.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 25/7/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh **Trần Hoàng L** trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị T tự nguyện chung sống từ năm 1994, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa anh và chị T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do bất đồng quan điểm, chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác. Nay không thể chung sống nên anh yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là cháu Trần Thị Y, sinh ngày 10/12/1995; Trần Thị D, sinh ngày 27/11/2007; Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 28/02/2010. Cháu Y đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D và cháu L, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ngày 07/8/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Huỳnh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T thống nhất với trình bày của anh L về quá trình hôn nhân, không đăng ký kết hôn. Chị không thống nhất về nguyên nhân ly hôn. Theo chị, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh L là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Nay chị đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T thống nhất trình bày của anh L, chị đồng ý giao cháu D và cháu L cho anh L nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh L và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Hoàng L và chị Huỳnh Thị T là vợ chồng; về con chung: Cháu Trần Thị Y đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên không đặt ra giải quyết; giao anh Trần Hoàng L nuôi dưỡng cháu Trần Thị D, sinh ngày 27/11/2007 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 28/02/2010; về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Hoàng L và chị Huỳnh Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Hoàng L và chị Huỳnh Thị T tự nguyện chung sống từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn nên việc chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh L yêu cầu không công nhận anh chị là vợ chồng nên căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận anh Trần Hoàng L và chị Huỳnh Thị T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Trần Hoàng L và chị Huỳnh Thị T có 03 con chung là cháu Trần Thị Y, sinh ngày 10/12/1995; Trần Thị D, sinh ngày 27/11/2007; Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 28/02/2010. Cháu Y đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên không đặt ra giải quyết.

Giao anh Trần Hoàng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Thị D, sinh ngày 27/11/2007 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 28/02/2010. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Hoàng L và chị Huỳnh Thị T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Hoàng L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Hoàng L và chị Huỳnh Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Trần Hoàng L và chị Huỳnh Thị T có 03 con chung là cháu Trần Thị Y, sinh ngày 10/12/1995; Trần Thị D, sinh ngày 27/11/2007; Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 28/02/2010. Cháu Yến đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên không đặt ra giải quyết.

Giao anh Trần Hoàng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Thị D, sinh ngày 27/11/2007 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 28/02/2010. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Huỳnh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Trần Hoàng L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Huỳnh Thị T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Hoàng L và chị Huỳnh Thị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Hoàng L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ anh L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005489 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Anh Trần Hoàng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho L, chị T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (O).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Oanh